

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án ĐCĐC tập trung làng Suối Diếp, xã Canh Hòa,  
huyện Vân Canh của UBND huyện Vân Canh

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 450/STNMT-CCBVMT ngày 05/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án ĐCĐC tập trung làng Suối Diếp, xã Canh Hòa, huyện Vân Canh;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án ĐCĐC tập trung làng Suối Diếp, xã Canh Hòa, huyện Vân Canh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 522/UBND ngày 18/3/2024 của UBND huyện Vân Canh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 319/TTr-STNMT ngày 22/3/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án ĐCĐC tập trung làng Suối Diếp, xã Canh Hòa, huyện Vân Canh (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Vân Canh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Canh Hòa, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Vân Canh;
- UBND xã Canh Hòa;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN**  
**ĐCĐC TẬP TRUNG LÀNG SUỐI DIẾP,**  
**XÃ CANH HÒA, HUYỆN VÂN CANH**

(Kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày            /            /2024 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về Dự án**

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: ĐCĐC tập trung làng Suối Diếp, xã Canh Hòa, huyện Vân Canh.

- Địa điểm thực hiện: xã Canh Hòa, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: UBND huyện Vân Canh.

- Địa chỉ liên hệ: thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô.

- Tổng diện tích: 5,5 ha.

- Quy mô dân số khoảng 330 người, gồm 66 lô đất ở.

- Cơ cấu sử dụng đất như sau:

TT	Cơ cấu sử dụng đất (loại đất)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỉ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Đất quy hoạch định canh định cư</b>	<b>23.976,80</b>	<b>43,60</b>
1.1	Đất quy hoạch nhà ở khu số 1: 19 lô	6.881,80	
1.2	Đất quy hoạch nhà ở khu số 2: 10 lô	3.575,00	
1.3	Đất quy hoạch nhà ở khu số 3: 16 lô	5.720,00	
1.4	Đất quy hoạch nhà ở khu số 4: 04 lô	1.469,00	
1.5	Đất quy hoạch nhà ở khu số 5: 06 lô	2.250,00	
1.6	Đất quy hoạch nhà ở khu số 6: 08 lô	3.000,00	
1.7	Đất quy hoạch nhà ở khu số 7: 03 lô	1.081,00	
<b>2</b>	<b>Đất khu sinh hoạt văn hóa</b>	<b>2.289,70</b>	<b>4,16</b>
2.1	Đất khu sinh hoạt văn hóa	2.289,70	
<b>3</b>	<b>Đất cây xanh sử dụng công cộng</b>	<b>3.153,50</b>	<b>5,73</b>
3.1	Đất cây xanh số 1	172,80	
3.2	Đất cây xanh số 2	622,40	
3.3	Đất cây xanh số 3	1.353,70	
3.4	Đất cây xanh số 4	202,00	
3.5	Đất cây xanh số 5	255,00	
3.6	Đất cây xanh số 6	547,60	

TT	Cơ cấu sử dụng đất (loại đất)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỉ lệ (%)
<b>4</b>	<b>Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật khác</b>	<b>25.580,00</b>	<b>46,5</b>
4.1	Đất khu xử lý nước thải sinh hoạt	135,00	
4.1	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	25.445,00	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>55.000,00</b>	<b>100,00</b>

### 1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: 66 lô đất ở có diện tích sử dụng đất 5,5 ha; xây dựng 02 giếng khoan có đường kính D168mm, chiều sâu khoan là 160 m/giếng, công suất khai thác nước ngầm là 36,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của Công trình: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước.

1.3.3 Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ Công trình.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: không có.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Trong giai đoạn thi công phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt và nước thải sinh hoạt.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án**

### 3.1. Nước thải, khí thải

#### 3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

##### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,44 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>) và vi sinh cao...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 1,0 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất,

cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

#### b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 29,04 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>) và ô nhiễm vi sinh cao.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, VOC,...

### 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

#### 3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

##### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công dự án:

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 376 tấn. Thành phần chủ yếu là thực bì,...

+ Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 27,38 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

+ Đất bóc phong hóa hữu cơ phát sinh với khối lượng khoảng 59 m<sup>3</sup>. Thành phần chủ yếu là đất, bùn. Đá thừa phát sinh khoảng 13.196,62 m<sup>3</sup>. Thành phần chủ yếu là đá khối, đá vụn,...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân: phát sinh với khối lượng khoảng 13,69 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 226 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 26 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, các loại dầu mỡ thải, dầu động cơ, hộp số,...

### 3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

### 3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng rừng trồng tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động khai thác nước ngầm tác động đến chất lượng nguồn nước phục vụ sinh hoạt người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

#### 4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

##### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

##### b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thoát nước mưa của dự án được thiết kế theo phương án tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải của Công trình.

Hệ thống thoát nước mưa gồm các tuyến cống BTCT D600, D1000 dẫn nước mưa trong khu vực khu tái định cư thoát từ Tây Bắc đến Đông Nam và thoát ra mương nước hiện trạng phía Đông Bắc khu định canh định cư.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Giai đoạn chưa đầu tư hạ tầng thoát nước thải trong dự án: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn tại các hộ dân, xây dựng các đường ống và hố ga chờ đầu nối.

+ Giai đoạn khi hạ tầng thoát nước thải trong dự án được xây dựng: Nước thải sinh hoạt phát sinh (sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn tại mỗi hộ dân) được thu gom đầu nối hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 35 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

#### 4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín,

không để rơi vãi.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.
- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.
- Phun nước tưới đường thường xuyên trên công trường xây dựng với tần suất 2 lần/ngày.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

#### 4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

##### a) Giai đoạn thi công

- Chất thải rắn từ hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công dự án:
  - + Đất bóc phong hóa hữu cơ được tận dụng đắp gia cố mái taluy xung quanh Dự án. Đá thừa được tận dụng để gia cố các khu vực có nguy cơ sa bồi, thủy phá tại hạ lưu 02 bên bờ khu vực suối Lao.
  - + Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.
  - + Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình: Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.
  - Chất thải rắn sinh hoạt: Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 58, 66 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động: Người dân thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trong các thiết bị chứa chuyên dụng và chuyển giao cho đơn vị thu gom tại địa phương.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

- Quy định áp dụng: Điều 68, 69, 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### 4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

#### 4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

#### 4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ: Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục san nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để gây ngập úng.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ đầu tư**

#### 5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: trong khu vực dự án (tọa độ: X = 1.501.459; Y = 580.407).

- Các chỉ tiêu giám sát: bụi, tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

#### 5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn



và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

## **6. Các yêu cầu khác có liên quan**

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Vị trí 02 giếng khoan trong dự án đảm bảo khoảng cách an toàn tối thiểu 20 m từ miệng giếng đến các công trình xung quanh theo quy định tại Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt. Lập thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất cho 02 giếng khoan trên trước khi khai thác, sử dụng nước dưới đất để cung cấp cho người dân trong dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.